

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch tâm linh - sinh thái núi Dành, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/2.000

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính Phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - Văn hoá, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 989/TTr-UBND ngày 06/8/2013; Sở Xây dựng tại Báo cáo số 114/BC-SXD ngày 12/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch tâm linh - sinh thái núi Dành, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/2.000 với những nội dung chính như sau:**1.**

1. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu:

a) Vị trí khu đất: Thuộc địa phận xã Liên Chung và xã Việt Lập, huyện Tân Yên, ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Hợp Đức;
- Phía Nam: Giáp xã Quế Nham;
- Phía Đông: Giáp sông Thương;
- Phía Tây: Giáp xã Việt Lập.

b) Quy mô nghiên cứu:

Quy mô khảo sát và lập quy hoạch khoảng 85ha.

2. Tính chất:

Là khu du lịch tâm linh - sinh thái đáp ứng nhu cầu văn hóa, giải trí, du lịch tâm

linh cho người dân trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

3. Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Các chỉ tiêu HTKT	
1	Cấp điện	350w/người
2	Cấp nước	≥ 100 l/người/ng.đ
3	Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường	
	- Thoát nước	$\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước
	- Rác thải	0,9 kg/người/ngày Tỷ lệ thu gom $\geq 90\%$

4. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu:

a) Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng tổng hợp:

Đánh giá thực trạng, các quy hoạch, dự án liên quan đến khu di tích, hiện trạng công tác quản lý bảo tồn và đầu tư xây dựng, xác định các nội dung kế thừa và nội dung cần phải điều chỉnh hướng tới quy hoạch Khu di tích núi Dành cân bằng giữa 3 yếu tố lịch sử, sinh thái và nhân văn.

Đặc điểm về kinh tế, xã hội, các hoạt động liên quan đến văn hóa phi vật thể và các động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai trong khu di tích. Thực trạng sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường. Đánh giá các tác động từ đô thị hóa đến quần thể khu di tích.

Phân tích mối quan hệ về chức năng, không gian cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật của khu di tích với quy hoạch xây dựng xã Liên Chung, xã Việt Lập và các quy hoạch khác có liên quan; dự báo quy mô lượt khách du lịch.

b) Định hướng quy hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích:

Đề xuất giải pháp bảo tồn di sản vật thể khu di tích, gồm các di tích lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên có giá trị trên cơ sở các luận cứ lịch sử, khoa học và thực tế.

Xác định danh mục, ranh giới bảo vệ quần thể di tích núi Dành, Đền Trình, đền Thượng, Giếng Ngọc (thuộc xã Liên Chung), đền Hạ phía Tây Nam núi Dành (thuộc xã Việt Lập) và các di chỉ khác.

Các giải pháp bảo tồn, tôn tạo cảnh quan khu vực di tích phù hợp để tôn vinh, chống xuống cấp và không làm mất đi giá trị di tích.

Đề xuất giải pháp phục hồi, bảo tồn tôn tạo các cảnh quan xung quanh di tích và các giải pháp đối với khu vực lân cận di tích.

c) Định hướng tổ chức không gian:

Đề xuất cơ cấu phân khu chức năng và nguyên tắc định hướng phát triển không gian phù hợp với không gian tổng thể của khu vực.

Đề xuất các giải pháp khai thác không gian di tích phát triển du lịch.

Lựa chọn một số điểm trong khu vực có giá trị cao về văn hóa - lịch sử Khu di

tích núi Dành, để có thể nghiên cứu phục dựng ở mức độ cho phép tái hiện hình ảnh lịch sử nhằm phục vụ du lịch.

Khôi phục một số nhà tiêu biểu theo cấu trúc không gian truyền thống khu vực gắn với kiến trúc cổ, làng nghề truyền thống; xây dựng hệ thống các điểm dịch vụ gắn với không gian văn hóa dân gian của các khu dân cư và kiến tạo những tuyến, trục chính phục vụ phát triển du lịch.

Đề xuất các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan nhằm nâng cao chất lượng sống cho khu dân cư.

Thiết lập các không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng để duy trì nét văn hóa truyền thống.

Giải pháp cải tạo chỉnh trang các khu dân cư tiếp giáp với di tích và các vùng cảnh quan sinh thái.

Giải pháp đối với công tác giãn dân trong các khu vực bảo tồn, các khu dân cư phải giải tỏa.

Đề xuất các giải pháp không gian khu vực sinh thái cảnh quan tự nhiên.

Thiết lập các khu vực sinh thái cảnh quan tự nhiên, gồm vùng sinh thái nông nghiệp, công viên cây xanh, vườn hoa gắn với khu dân cư và các di tích...

d) Quy hoạch sử dụng đất:

Thiết lập quy hoạch sử dụng đất, bổ sung quỹ đất cần thiết cho các chức năng phục vụ công tác bảo tồn và tôn vinh giá trị di tích.

Đề xuất các chỉ tiêu áp dụng về lượng khách du lịch, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho khu di tích.

Xác định quy mô, tính chất, chức năng và các chỉ tiêu sử dụng đất cho từng loại đất khác nhau đã được quy hoạch không gian trong khu di tích, nhưng phải đảm bảo tính linh hoạt để quản lý đất đai hiệu quả, phân kỳ các giai đoạn thực hiện.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

Cải tạo, chỉnh trang hệ thống giao thông hiện có đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân và du khách nhưng không ảnh hưởng đến công tác bảo tồn di tích. Kết nối mạng lưới giao thông hợp lý bên trong và ngoài khu vực quy hoạch.

Đề xuất hệ thống thoát nước, cao độ xây dựng phù hợp để xử lý thoát nước cho khu di tích và các giải pháp hạ tầng kỹ thuật khác đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5. Hồ sơ sản phẩm:

Theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

6. Kế hoạch, tổ chức thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Tân Yên.
- Đơn vị lập nhiệm vụ: Trung tâm Quy hoạch xây dựng Bắc Giang.

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian thực hiện tối đa là 09 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và không kể thời gian chờ xét duyệt.

c) Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

d) Kinh phí: Tổng mức kinh phí dự kiến lập quy hoạch khoảng: 1.197.386.000 đ

- Chi phí lập nhiệm vụ, lập quy hoạch 881.584.572 đ
- Chi phí khảo sát địa hình 183.777.000 đ
- Chi phí khác 132.025.016 đ

7. Các nội dung khác. Theo Báo cáo thẩm định số 114/BC-SXD ngày 12/8/2013 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Tân Yên, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /^{TV}

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT, KTN;
- + Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Linh